

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-3-2025

“v/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và bà Đỗ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 605/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Mạc Thị N, sinh năm 1976; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số B, ngõ D D, phường M, quận C, Hà Nội. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Cao Xuân T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Mạc Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Xuân T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là xã K), huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/12/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại gia đình anh T ở thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2003, chị đi Đài Loan để xây dựng kinh tế và từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cao Xuân T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 02 chung là Cao Thu H, sinh năm 1998 và Cao Thu Q, sinh năm 2000. Hiện các con đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Cao Xuân T trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị N trình bày là đúng. Năm 2000, do điều kiện kinh tế khó khăn, chị N ở nhà không có việc làm, anh bảo chị N đi làm công ty nhưng chị N không đồng ý. Năm 2002, chị N đi lao động tại Đài Loan. Khoảng 02 năm đầu sau khi đi, chị N vẫn thường xuyên liên lạc với anh và các con. Hết hạn hợp đồng được khoảng 03 năm, chị N về Việt Nam và ở tại nhà bố mẹ đẻ. Sau đó khoảng 01 tháng, chị N tiếp tục quay lại Đài Loan làm việc. Cuối năm 2024, chị N gọi điện nói chuyện với anh về việc ly hôn. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị N nên chị N có đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Tại phiên tòa, chị N, anh T đều vắng mặt, có đơn và quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị N ly hôn anh Cao Xuân T. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Mạc Thị N hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Bị đơn anh Cao Xuân T hiện đang sinh sống tại xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các văn bản chị Mạc Thị N gửi về ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Đ nộp thay gồm Đơn khởi kiện; bản tự khai; giấy ủy quyền; đơn đề nghị giám định

chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của chị N trên các tài liệu này. Tại Kết luận giám định số 41/KL-KTHS ngày 06/01/2025 của Phòng K Công an thành phố H đã kết luận: “Các dấu vân tay ký hiệu DV2, DV4, DV6, DV8, DV10, DV12 in trên các mẫu giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trở phải trên 01 Giấy chứng minh nhân dân số 142272049 mang tên Mạc Thị N, sinh ngày 12/01/1976; nơi ĐKHKTT: K, Kim T1, Hải Dương cấp ngày 13/12/2002 là của cùng một người. Dấu vân tay ký hiệu DV11 in trên mẫu cần giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trở trái trên 01 Giấy chứng minh nhân dân số 142272049 mang tên Mạc Thị N, sinh ngày 12/01/1976; nơi ĐKHKTT: K, Kim T1, Hải Dương cấp ngày 13/12/2002 là của cùng một người”. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản chị N gửi về đúng là ý chí, quan điểm của chị N.

[1.3] Tại phiên tòa, chị N, anh T đều vắng mặt và có đơn, quan điểm xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị N và anh Cao Xuân T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là xã K), huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/12/1997 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị N và anh T xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2003, chị N đi lao động tại Đài Loan. Nay chị N và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ lâu, không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Mạc Thị N và anh Cao Xuân T có 02 con chung là Cao Thu H, sinh năm 1998 và Cao Thu Q, sinh năm 2000. Hiện các con đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Mạc Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị N ly hôn anh Cao Xuân T.
2. Về án phí: Chị Mạc Thị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) do anh Nguyễn Văn Đ nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005319 ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Chị Mạc Thị N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Cao Xuân T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất